TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2026/DS-ST
Ngày: 09 – 02- 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Hùng Dũng

2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2025/TLST–DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63A/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Duy P, sinh năm 1984 – chủ hộ kinh doanh đại lý T1

HKTT: Khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1959

Bà Lưu Thị B, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2025, quá trình làm việc nguyên đơn trình bày: Ngày 13/3/2021 hộ kinh doanh T2 và ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với nhau. Trong quá trình giao dịch Hộ kinh doanh Tân Quang M đã giao thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản theo đơn đặt hàng cho ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba . Phương thức thanh toán là khi thu

hoạch tôm thì ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm công nợ cho hộ kinh doanh T2, chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày thu vụ tôm cuối.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B có thanh toán công nợ cho H kinh doanh Tân Quang M nhưng không dứt nợ. Ngày 31/8/2023 thì hộ kinh doanh T2 và ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B có đối chiếu nợ với nhau, theo đó tổng số tiền mà ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B nợ hộ kinh doanh T2 là 65.578.000 đồng; Việc đối chiếu nợ được ghi vào sổ giao nhận hàng hoá. Tuy nhiên đến nay ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B chưa thanh toán số nợ này cho hộ kinh doanh T2.

Nay ra Tòa bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả số tiền nợ gốc là 65.578.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/9/2023 đến khi trả hết nợ, lãi suất 10%/năm.

Tháng 12/2025 ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B đã trả cho bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền gốc 2.000.000 đồng. Do đó bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 2.000.000 đồng.

Ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trình bày: Từ năm 2021 vợ chồng ông, bà có hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với hộ kinh doanh T2. Trong quá trình mua bán thì vợ chồng ông bà còn nợ lại hộ kinh doanh T2 số tiền 65.578.000 đồng. Ngày 31/8/2023 có ký đối chiếu công nợ với hộ kinh doanh T2. Tháng 12/2025 vợ chồng ông, bà có trả cho hộ kinh doanh T2 số tiền 2.000.000 đồng. Như vậy số tiền mà ông bà còn nợ hộ kinh doanh T2 là 63.578.000 đồng. Ông, bà đồng ý trả cho hộ kinh doanh T2 số tiền 63.578.000 đồng, còn đối với tiền lãi thì ông bà không đồng ý trả do hoàn cảnh kinh tế ông, bà gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Duy P - chủ hộ kinh doanh Tân Quang M. Buộc ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả cho bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 63.578.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả số tiền 2.000.000 đồng.

- Về án phí: Ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh T2 khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán đối với bị đơn ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba cư T tại ấp A, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[2] Bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 2.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba P1 thanh toán số tiền gốc là 63.578.000; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba C thống nhất xác định ngày 13/3/2021 bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với nhau. Như vậy, quan hệ mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản giữa bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M và ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

Ngày 31/8/2023 ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba K đối chiếu công nợ số tiền 65.578.000 đồng. Tháng 12/2025 ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả được số tiền 2.000.000 đồng. Ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B thừa nhận còn nợ lại tiền hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản số tiền 63.578.000 đồng và đồng ý trả cho bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh T Số tiền này. Đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 01/9/2023 đến ngày xét xử (ngày 09/02/2026) của bà Phan Thị Duy P – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M, Hội đồng xét xử thấy rằng do ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba K1 thực hiện đúng theo thỏa thuận nên bà Phan Thị Duy P – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ nêu trên theo quy định pháp luật là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do

các bên không thỏa thuận với nhau về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự là 10%/năm (0,83%/tháng).

Thời điểm ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba vi P2 thỏa thuận là từ ngày 01/9/2023. Lãi suất được tính như sau:

63.578.000 đồng x 0,83%/tháng x 29 tháng 8 ngày = 15.443.943 đồng

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba Đ thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đối với ông Trần Văn S, bà Lưu Thị Ba .

Buộc ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả cho của bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 79.021.943 đồng (trong đó nợ gốc là 63.578.000 đồng, tiền lãi là 15.443.943 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M yêu cầu ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B trả số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Trần Văn S, bà Lưu Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Bà Phan Thị Duy P – chủ hộ kinh doanh Tân Quang M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.952.000 đồng theo biên lai thu tiền tại ứng án phí, lệ phí số 0005004 ngày 20/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mỹ Ghết